

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HC-PT

Ngày: 16/01/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Phạm Văn Hợp

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 14/2024/TLPT-KDTM ngày 11/11/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần T3 chỉ: Đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương/Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng H– Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Ngọc G năm 1982; địa chỉ: Đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương Vắng mặt

2. Ông Phạm Duy Đ chỉ: Đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần T4; địa chỉ: Cụm C'Đrắk, xã K, huyện M'Đ, tỉnh Đăk Lăk. Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Đồng T H1 – Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần T4

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Văn K năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn M'Đ, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** ông Võ Ngọc L năm 1975; địa chỉ: khu phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: Văn phòng L1 địa chỉ: A, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn T1 H2 sinh năm 1966; địa chỉ: A, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

+ Bà Đỗ Thị H1 N địa chỉ: 8 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Cổ phần T5; địa chỉ: Cụm C'Đrắk, xã K, huyện M'Đ, tỉnh Đăk Lăk. Đại diện theo pháp luật: ông Võ Ngọc H2 – Giám đốc Công ty Cổ phần T6. Có mặt

2. Ông Đỗ Văn K năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn M'Đ, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu P N1 sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu P N1 ông Trần Ngọc G năm 1982; địa chỉ: Đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ chỉ: A L1, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị C chỉ: A P1, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh B, Đ chỉ: C Q, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần G1 – Giám đốc Chi nhánh. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần T7 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn K1 Công ty cổ phần T5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Ngọc G2 bày:

Công ty cổ phần T4(sau đây gọi tắt là Công ty T8 chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc lần đầu vào ngày 18/8/2003, trụ sở tại Đường Đ, khu phố G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương Công ty T3hiện là cổ đông nắm giữ 97 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần T4– M’Đrăk (sau đây gọi tắt là Công ty T4– M’Đrăk), mã số doanh nghiệp số 6001286377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đcấp lần đầu ngày 26/3/2012, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08/8/2019, địa chỉ tại Cụm C’Đrăk, xã K, huyện M’Đ, tỉnh Đắklắ người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu P N1

Ngày 12/7/2021, Công ty T3và Công ty cổ phần T4(sau đây gọi tắt là Công ty T9 ký 02 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần gồm Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty T4– M’Đrăk, với giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng và Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần T4 giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng.

Về hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần T4– Bên mua đã chuyển đủ số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 16/7/2021 theo đúng quy định hợp đồng.

Về Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty T4– M’Đrăk, với giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng được thanh toán làm 03 đợt:

Lần 1 : Đặt cọc 500.000.000 đồng trong vòng 02 ngày sau khi ký hợp đồng với thời hạn thanh toán là:

Lần 2: Thanh toán 1.750.000.000 đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Lần 3: Thanh toán số tiền còn lại trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A thông báo giải chấp xong sổ đất.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty T10 thanh toán tiền lần 1 là 500.000.000 đồng cho Công ty T11

Sau khi thanh toán lần 1 thì Công ty T9 vẫn bản đề nghị kéo dài thời hạn thanh toán đợt 2 thêm 30 – 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngày 02/8/2021, Công ty T12 thông báo gửi đến Công ty T1nêu rõ không đồng ý với đề nghị gia hạn thời gian thanh toán và yêu cầu chấm dứt hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF với lý do vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận.

Mặc dù Công ty T13 có thông báo chấm dứt hợp đồng mua bán cổ phần, bản thân ông K2 đã được thông báo về việc này nhưng ngày 08/8/2021, ông Đỗ Văn K3 tự ý lập không: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông Công ty T4– M’Đrăk số 01/2021/QĐ–ĐHĐCĐ ngày 02/8/2021 và nghị quyết đại hội đồng cổ đông, giả con dấu công ty và chữ ký của ông Nguyễn Hữu P N1tại Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 09/8/2021; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp đề ngày 09/8/2021; Giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1 hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và

Đầu tư tỉnh Đ để đổi tên Công ty cổ phần T4 – M’Đrăk thành Công ty cổ phần T14 (gọi tắt là công ty T15, đổi tên người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Hữu P N1 sang ông Đỗ Văn K4

Tại khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF quy định: việc chuyển giao cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi bên mua thanh toán đủ 100% giá trị chuyển nhượng của hợp đồng, nhưng tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty T4 – M’Đrăk (được lập giả) đề ngày 02/8/2021 vẫn ghi nhận bên mua – Công ty T1 là cổ đông sở hữu 97% vốn điều lệ Công ty T4 – M’Đrăk là trái quy định của Luật doanh nghiệp và hợp đồng hai bên đã ký kết. Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì người ký giấy triệu tập họp đại hội đồng cổ đông Công ty T4 – M’Đrăk phải là ông Nguyễn Hữu P N1. Bản thân ông Nguyễn Hữu P N1 không ký bất kỳ giấy triệu tập họp nào, phía Công ty T4 – M’Đrăk cũng không nhận được bất kỳ thư mời họp nào. Như vậy, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty T4 – M’Đrăk đề ngày 02/8/2021 là không có giá trị pháp lý (được lập giả).

Trước thời điểm ký kết hợp đồng và đến thời điểm hiện tại Công ty T4 – M’Đrăk vẫn đang quản lý con dấu và giấy phép kinh doanh, nhân viên công ty vẫn đang quản lý, bảo vệ nhà xưởng. Việc này đã được Công ty T16 Vi bằng số 78/2023/VB – TPL ngày 23/11/2023 và số 79/2023/VB – TPL ngày 23/11/2023.

Việc thay đổi thủ tục đăng ký kinh doanh mà ông K5 hiện là trái quy định tại Luật doanh nghiệp về thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, không tuân thủ đúng các thủ tục triệu tập họp đại hội đồng cổ đông về gửi thư mời, giả chữ ký ông Nguyễn Hữu P N1 để thay đổi giấy phép kinh doanh. Ngày 09/8/2021, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 cho hồ sơ thay đổi kinh doanh mà ông K3 nộp. Như vậy, việc thay đổi hồ sơ đăng ký kinh doanh lần thứ 4 của Công ty T4 – M’Đrăk không có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

Công ty T17 tư cách là công ty mẹ, cổ đông lớn nhất của Công ty T4 – M’Đrăk nhưng không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan tới việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông như ông K6 bày, ông Nguyễn Hữu Phúc N cũng không ký bất kỳ văn bản nào trong bộ hồ sơ thay đổi giấy phép kinh doanh lần 4 của Công ty T4 – M’Đrăk mà ông K3 nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ.

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4 – M’Đrăk, khi kiểm tra trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia ông Nguyễn Hữu P N1 mới biết được Công ty T4 – M’Đrăk đã bị thay đổi sang tên mới là Công ty cổ phần T14, thay đổi người đại diện pháp luật từ ông Nguyễn Hữu P N1 sang ông Đỗ Văn K7 đó, Công ty T3 liên hệ với Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ để xin bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh bản phô tô mà ông Đỗ Văn K8.

Công ty T18 định, ông Đỗ Văn K3 giả chữ ký của ông Nguyễn Hữu Phúc N tại các hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty T4 – M’Đrăk. Cụ thể gồm:

- Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 09/8/2021;
- Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp đề ngày 09/8/2021;
- Giấy ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị C2**

Ngoài ra, sau khi đã được thông báo chấm dứt hợp đồng mua bán, Công ty T1 và ông **Đỗ Văn K9** tục chuyển nhượng cổ phần cho các bên thứ ba nữa. Hành vi của ông **Đỗ Văn K10** dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nhận thấy, việc làm của **Công ty T19** ông **Đô V K1** đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của **Công ty T11**

Do vậy, **Công ty cổ phần T20** nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần **Công ty cổ phần T21** Đrăk số 02/2021/HĐMB/TTF ký ngày 12/7/2021 giữa **Công ty cổ phần T4** lý các hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

- Đồng thời, chúng tôi cũng đề nghị quý tòa có kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 6001286377 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 trở đi cho **Công ty Cổ phần T14** không đúng theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn Công ty cổ phần C6 ông Đỗ Văn K11 việc, trình bày ý kiến, đồng thời ông K12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Từ năm 2013 đến năm 2017, ông **Đỗ Văn K12** Giám đốc, đã điều hành xây dựng Công ty T1 – M’Đrăk. Ngày 22/7/2017, sau khi kiểm kê tài sản, trang thiết bị máy móc, các cổ đông đã giao cho ông **Hồ S G2** bảo vệ tài sản theo Quyết định số 13/2017/NQ-HĐQT ngày 22/7/2017. Lúc này, ông **K21** còn được quản lý tài sản máy móc trang thiết bị, con dấu công ty, mặc dù ông **K13** đang giữ chức vụ giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giấy tờ, hồ sơ và con dấu do **Công ty T13** mang khỏi trụ sở công ty và cất giữ. Từ năm 2017 đến năm 2020, **Công ty T4** – M’Đrăk không hoạt động mà chỉ có tổ bảo vệ trông coi máy móc trang thiết bị. Những đối tác nợ tiền của **Công ty T4** – M’Đrăk thì **Công ty T22** hỏi hết còn nghĩa vụ trả nợ đối tác, tiền thuế, các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước thì ông **K14** thanh toán.

Năm 2021, ông **K15** diện theo pháp luật cho Công Ty T1 nhận chuyển nhượng cổ phần vốn góp 97% trong **Công ty T21** Đrăk theo Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF do **Công ty T23** thảo ngày 12/7/2021, ký tại Bình Dương, ông **K20** tại **Công ty T4** H’leo vào ngày 15/7/2021 (do thời gian cách ly dịch bệnh covid). Theo nội dung hợp đồng thì việc chuyển nhượng giá trị cổ phần vốn góp 97% quy thành tiền là 2.000.000.000 đồng (vốn góp bằng giá trị tài sản máy móc trang thiết bị nhà xưởng gắn liền với đất và quyền thuê đất) và 500.000.000 đồng vốn góp còn lại của **tập đoàn Q1** thành tiền. Tổng cộng giá trị chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng. Phía **Công ty T10** thanh toán 500.000.000 đồng trong vòng 02 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Số tiền 1.750.000.000 đồng thanh toán ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao tài sản nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày ký

hợp đồng. Số tiền còn lại 250.000.000 đồng khi giao hồ sơ đất sẽ thanh toán. Về nợ ngân hàng do Công ty T24 chịu trách nhiệm trả nợ (nợ thế chấp tài sản máy móc trang thiết bị theo hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng như đã trình bày ở trên, về quyền sử dụng đất không có thế chấp).

Ngày 16/7/2021, Công ty T10 thanh toán 1.500.000.000 đồng (gồm 500.000.000 đồng tiền cổ phần và 1.000.000.000 đồng ứng trước giá trị tài sản. Còn lại 1.000.000.000 đồng chờ Công ty T25 giao tài sản mới thanh toán. Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng thì bên nhận chuyển nhượng sẽ thanh toán đợt 2 ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao tài sản (bên chuyển nhượng bàn giao tài sản cho bên nhận chuyển nhượng). Theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thì bên chuyển nhượng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, bàn giao tài sản và giấy tờ về tài sản cho bên nhận chuyển nhượng, không chuyển giao nghĩa vụ trả nợ ngân hàng cho bên nhận chuyển nhượng. Tại khoản 2 Điều 3 của hợp đồng thì bên nhận chuyển nhượng chỉ có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của Công ty T21'Đrăk với nhà cung cấp, bên thứ 3 và nghĩa vụ đối với Nhà nước, không liên quan đến khoản nợ thế chấp tài sản tại ngân hàng.

Ông K1 Công ty T26 cầu Tòa án giải quyết tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã ký. Yêu cầu nguyên đơn phải bàn giao tài sản trang thiết bị đã thế chấp ngân hàng sau khi giải chấp cho bị đơn thì bị đơn mới trả số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại. Nếu không bàn giao tài sản thì nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 1.000.000.000 đồng (bị đơn đã thanh toán trong tổng số tiền 1.500.000.000 đồng). Nợ thế chấp tài sản ngân hàng nguyên đơn phải tự thanh toán. Yêu cầu nguyên đơn rút hết máy móc, con người đang có mặt tại Công ty T27 nay để cho Công ty T28.

Bên nguyên đơn cho rằng bị đơn thanh toán 1.000.000.0000 đồng cho Công ty T29 bị đơn xác nhận là không đúng. Giữa Công ty T19 ký hợp đồng nhưng chưa hoàn thiện về hợp đồng và thủ tục. Hợp đồng chuyển nhượng Công ty T30 được thực hiện do sai sót của hợp đồng, hai bên chưa thực hiện bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào theo hợp đồng này.

Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty T21'Đrăk, Công ty T31 đã thay đổi Giấy phép kinh doanh ngày 09/8/2021, đổi tên thành Công ty T14, ông K11 giám đốc công ty, đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 14/6/2023, đổi tên người đại diện theo pháp luật cho ông Võ Ngọc H2(là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông H3đại diện cho nhóm cổ đông mới mua lại 100% cổ phần T4Ông H3mua lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đã hoàn tất các thủ tục thuê đất và nghĩa vụ đối với Nhà nước, không nhận chuyển nhượng trang thiết bị, máy móc đã bị thế chấp của Công ty T4 - M'Đrăk cũ.

Hiện nay, ông K15 diện theo ủy quyền của ông H3để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến Công ty T32 còn giữ chức vụ gì tại Công ty T4cũng như Công ty T4- M'Đrăk cũ.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Võ Ngọc L2 bày:**

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 ông **Võ Ngọc L3** Công ty T1 ký kết hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD với nội dung:

- Công ty T1 chuyển nhượng cho ông **Võ Ngọc L4** cổ phần mà **Công ty T4** hữu tại **Công ty Cổ phần T33** (tiền thân là **Công ty Cổ phần T34**) tương ứng 97% vốn điều lệ của **Công ty T5**

- Giá chuyển nhượng 02 bên thỏa thuận cho 970.000 cổ phần (tương ứng 97% vốn điều lệ) là: 2.850.000.000 đồng.

Ngoài ra 02 bên còn thỏa thuận thêm về các nội dung: Chi phí khoán gọn để **Công ty T35** hiện các công việc: thanh toán các khoản nợ (nợ dân sự, nợ thuế) có liên quan đến **Công ty T21** 'Đrăk' (trước khi chuyển đổi sang Công ty T2 đến thời điểm 02 bên ký kết hợp đồng này: Hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc đăng ký tài sản trên đất, công trình **Nhà máy C7** 'Đrăk' làm chủ đầu tư là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Ông **L5** phải thanh toán số tiền 2.500.000.000 đồng này sau khi **Công ty T36** thành các nghĩa vụ như thỏa thuận nêu trên và có các chứng từ, hóa đơn chứng minh.

Sau khi ký Hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD, ông **L15** thanh toán cho **Công ty T37** đồng để nhận chuyển nhượng 970.000 cổ phần (tương ứng 97% vốn điều lệ của **Công ty T38** ra, ông **L6** nhận chuyển nhượng 30.000 Cổ phần tương đương 03% vốn điều lệ **Công ty T39** vợ chồng ông **Đỗ Văn K1** bà **Trần Đồng T H1** sở hữu. Ông **L15** thanh toán đủ 100% số tiền cho việc nhận chuyển nhượng 30.000 cổ phần này.

Như vậy, ông **L15** nhận chuyển nhượng và sở hữu 100% Cổ phần của **Công ty T40** chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty T1 và ông **L7** đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình chờ **Công ty T35** hiện các công việc nêu trên thì ông **L** được nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý vụ án này.

Đồng thời ông **L8** biết, **Công ty T4** khi chưa thực hiện thủ tục sang tên cũng như chưa bàn giao cổ phần đã chuyển nhượng cho ông **L14** ngày 06/4/2023 **Công ty T41** tiếp tục ký hợp đồng đặt cọc với ông **Phạm Gia T2** hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng C3 Theo hợp đồng đặt cọc này, **Công ty T10** nhận cọc với số tiền 425.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng 970.000 cổ phần mà **Công ty T4** hữu tại **Công ty T42** ứng 97% vốn điều lệ.

Sau đó, **Công ty T10** hoàn tất chuyển nhượng 970.000 cổ phần sở hữu tại **Công ty T42** ứng 97% vốn điều lệ cho ông **Võ Ngọc H2**

Ngày 14/6/2023, **Công ty T10** làm thủ tục thay đổi giấy phép kinh doanh số 6001.286.377 đăng ký thay đổi lần thứ 6, do ông **Võ Ngọc H3** giám đốc.

Như vậy, **Công ty T43** diện bởi ông **Đỗ Văn K3** chuyển nhượng 970.000 cổ phần của **Công ty T42** ứng 97% vốn điều lệ cho ông **L9** đó lại chuyển nhượng cho nhiều người khác, hành vi của người đại diện pháp luật của **Công ty T9**.

Ngoài ra, căn cứ khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng chuyển nhượng số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17 tháng 9 năm 2021: Bên A cam đoan tại thời điểm giao kết hợp đồng này:

“Số cổ phần chuyển nhượng cho bên B theo Hợp đồng này hoàn toàn thuộc quyền sử hữu hợp pháp của bên A, không có tranh chấp, khiếu kiện;

Số cổ phần chuyển nhượng cho bên B không bị ràng buộc dưới bất cứ hình thức nào bởi các việc: Thế chấp, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án;

Số cổ phần chuyển nhượng cho bên B không bị ràng buộc bởi bất cứ một quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hạn chế quyền sở hữu của chủ sở hữu”.

Tuy nhiên, hiện nay Công ty T44 đang khởi kiện Công ty T45 việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần” liên quan đến 970.000 cổ phần mà Công ty T10 chuyển nhượng cho ông L. Công ty T19 ông K2 thừa nhận chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển nhượng 970.000 cổ phần cho Công ty cổ phần T4

Từ các hồ sơ, tài liệu có trong vụ án cho thấy Công ty T1 chưa là chủ sở hữu hợp pháp đối với 970.000 cổ phần tại Công ty T4 – M’Đrăk, mặt khác số cổ phần chuyển nhượng giữa ông L3 Công ty T1 đang có tranh chấp. Như vậy, Công ty T10 vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17 tháng 9 năm 2021.

Qua nội dung trình bày trên đây, ông L10 yêu cầu độc lập yêu cầu:

1. Yêu cầu tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17 tháng 9 năm 2021 được ký kết giữa Công ty T19 ông Võ Ngọc L11

2. Buộc Công ty T36 trả cho ông Võ Ngọc L12 bộ số tiền 2.850.000.000 đồng mà ông L đã thanh toán cho Công ty T46 mua 970.000 cổ phần (tương ứng 97% vốn Điều lệ Công ty T47 bồi thường toàn bộ thiệt hại mà ông L13 chịu vì lý do Công ty T1 vi phạm hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD.

*** Về yêu cầu độc lập của ông Võ Ngọc L14 đại diện theo ủy quyền của Công ty T48 ông Đỗ Văn K10 ý kiến như sau:**

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, Công ty T1 và ông Võ Ngọc L15 ký kết hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD với nội dung:

Công ty T49 nhượng cho ông Võ Ngọc L4 cổ phần mà Công ty T4 hữu tại Công ty T42 ứng 97% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là 2.850.000.000 đồng. Ngoài ra ông L6 mua các dự án của Công ty T1 đang thực hiện. Tổng số tiền mua bán mà các bên thỏa thuận là 5.500.000.000 đồng (bao gồm cả 30.000 cổ phần tương đương 03% vốn điều lệ Công ty T4 mà vợ chồng ông Đỗ Văn K1 bà Trần Đồng T H1 sở hữu). Việc thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: ông L thanh toán 3.000.000.000 đồng, trong đó có 3% cổ phần của ông K

- Đợt 2: thanh toán 2.500.000.000 đồng.

Ông K16 rằng sau khi ký hợp đồng thì ông K3 nhiều lần thông báo bên mua đến để làm các thủ tục như đã thỏa thuận, yêu cầu cử người đến làm thủ tục thay đổi người đại diện của công ty nhưng phía ông L16 cử người đến. Ông L17 không thực hiện việc thanh toán số tiền 2.500.000.000 đồng còn lại theo hợp đồng. Vì vậy, bên mua là người vi phạm hợp đồng nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L

*** Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P N1 là ông Trần Ngọc G2 bày:**

Công ty T21'Đrắk, mã số doanh nghiệp số 6001286377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Lắc lần đầu ngày 26/3/2012, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 08/8/2019, có trụ sở tại Cụm C'Đrắk, xã K, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắc Lắc Ông Nguyễn Hữu Phúc N1 làm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty T4– M'Đrắk từ tháng 8/2019 đến nay. Công ty T21'Đrắk là công ty con của Công ty T17 tỷ lệ sở hữu là 97% vốn điều lệ.

Giữa Công ty T9 ký 02 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần gồm Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty T4– M'Đrắk, với giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng (chỉ mới thanh toán 500.000.000 đồng) và Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần T4– P với giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng (đã thanh toán đủ tiền).

Ông N1 xác nhận, sau khi ký Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty T4– M'Đrắk, với giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng thì ông Đỗ Văn K17 mới thanh toán số tiền lần 1: 500.000.000 đồng. Ngay sau khi thanh toán lần 1 thì ông K3 có văn bản đề nghị kéo dài thời hạn thanh toán nhưng không được Công ty T50 ý. Với tư cách là người đại diện pháp luật ông N1 có trách nhiệm ký xác nhận việc ký hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên.

Do vi phạm thời hạn thanh toán nên ngày 02/8/2021, Công ty T12 thông báo gửi đến ông Đỗ Văn K4– Giám đốc công ty T1 thông báo chấm dứt hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF.

Ngày 08/8/2021, ông Đỗ Văn K3 tự ý lập không biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty T4 - M'Đrắk số 01/2021/QĐ–ĐHĐCĐ ngày 02/8/2021 và nghị quyết đại hội đồng cổ đông; giả con dấu công ty, chữ ký của ông Nguyễn Hữu P N1 tại Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 09/8/2021; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp đề ngày 09/8/2021; Giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1 hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Lắc đổi tên Công ty T21'Đrắk thành Công ty T2 đổi tên người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Hữu P N1 sang ông Đỗ Văn K18 thấy, việc thay đổi thủ tục đăng ký kinh doanh mà ông K5 hiện là trái quy định tại Luật doanh nghiệp về thủ tục triệu tập cuộc họp hội đồng cổ đông, không tuân thủ đúng các thủ tục triệu tập họp đại hội cổ đông về gửi thư mời, giả

chữ ký ông **Nguyễn Hữu P N1**– người đại diện pháp luật tại thời điểm thay đổi giấy phép kinh doanh. Ngày 09/8/2021, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 cho hồ sơ thay đổi kinh doanh mà ông **K3** nộp.

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của **Công ty T4**– M’Đrăk, khi kiểm tra trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia ông N1 mới biết được **Công ty T4**– M’Đrăk đã bị thay đổi sang tên mới là Công ty T4, thay đổi người đại diện pháp luật từ ông N1 sang ông **Đỗ Văn K4**

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật **Công ty T4**– M’Đrăk, ông N1 không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan tới việc triệu tập đại hội đồng cổ đông như ông **K6** bày, ông N1 không ký bất kỳ văn bản nào trong bộ hồ sơ thay đổi giấy phép kinh doanh lần 4 của **Công ty T4**– M’Đrăk (gồm Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 09/8/2021; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp đề ngày 09/8/2021; Giấy ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị C3** ông **K3** nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ.

Ông N1 xác định, ông **Đỗ Văn K3** giả chữ ký của ông N1 tại các hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh của **Công ty T4**– M’Đrăk. Cụ thể gồm:

- Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 09/8/2021;
- Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp đề ngày 09/8/2021;
- Giấy ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị C2**

Nhận thấy, việc làm của ông **Đỗ Văn K19** ty T1 đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1 và **Công ty T51** vậy, với yêu cầu khởi kiện tuyên chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần **Công ty T21** Đrăk số 02/2021/HĐMB/TTF ký ngày 12/7/2021 của nguyên đơn, ông N1 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Đồng thời, kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk hủy bỏ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 6001286377 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 trở đi cho **Công ty T15**

*** Người đại diện của Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh Btrình bày:**

Nội dung liên quan **Công ty T4**(tên cũ: **Công ty cổ phần T21** Đrăk, Công ty cổ phần T2

Thứ nhất: Nợ và tài sản thế chấp của **Công ty T5**, số đăng ký kinh doanh 6001286377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 26/3/2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 09/8/2021, địa chỉ: **Cụm C’Đrăk, xã K, huyện M’Đ, tỉnh Đăk Lăk** người đại diện theo pháp luật là ông **Đỗ Văn K4**.

Năm 2014, công ty có quan hệ tín dụng với hạn mức là 4.600.000.000 đồng.

Về dư nợ, năm 2018 do khó khăn về tài chính Công ty T3 bổ sung tài sản thế chấp để cân trừ khoản nợ; cụ thể đối với khoản nợ **Công ty T52** tổng số tiền

là: 4.126.143.573 đồng, trong đó cần trừ để thu nợ gốc là 3.413.000.000 đồng và cần trừ để thu nợ lãi 695.143.573 đồng (theo chứng từ hạch toán vào ngày 29/9/2018).

Từ năm 2018 đến năm 2022, Công ty V2 (gọi tắt là V1 phối hợp thủ tục sang tên tài sản cần trừ nợ thông qua các cơ quan quản lý Nhà nước.

Năm 2022, cơ quan quản lý Nhà nước có văn bản phản hồi không thực hiện được việc chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (theo Quyết định thu hồi số 132/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UB1

Năm 2023, Công ty T3 đã thanh toán nợ và nhận lại tài sản cần trừ nợ.

Nguyên nhân, VAB chưa xuất, xóa, giải chấp tài sản thế chấp cho Công ty T4- M'Đrăk là do chờ cơ quan quản lý nhà nước thẩm định, chấp thuận thủ tục pháp lý sang tên tài sản thế chấp để cần trừ nợ giữa Công ty T53 (như nêu trên).

Nay (tính đến ngày 30/12/2023), Công ty T13 thanh toán và nhận lại tài sản thế chấp, tài sản cần trừ nợ; VAB đã và đang xuất, xóa, giải chấp hoàn trả hồ sơ cho khách hàng; tuy nhiên, hiện nay giữa Công ty T54 tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng.

Thứ hai: đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty T3 và Công ty T55 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện, VAB không có ý kiến.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 18/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117; Điều 123; khoản 4 Điều 400 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 119; Điều 126 Luật doanh nghiệp;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T4: Tuyên chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2021/HĐMB/TTF ký ngày 15/7/2021 giữa Công ty cổ phần T4

Về hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng: Công ty cổ phần T56 phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) mà Công ty cổ phần T10 đặt cọc ngày 16/7/2021.

Kiểm nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 6001286377 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Đ cấp đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 trở đi cho Công ty cổ phần T14 không đúng theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Ngọc L11 Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17 tháng 9 năm 2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần T4 ông Võ Ngọc L18 hiệu.

Buộc Công ty cổ phần T57 hoàn trả cho ông Võ Ngọc L19 tiền 3.427.443.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm hai bảy triệu bốn trăm bốn ba nghìn đồng)”.
Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 16/9/2024, Công ty Cổ phần T19 Cổ phần T1 và ông Đỗ Văn K10 đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Ngọc H4 diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T58 H1 đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T19 ông Đỗ Văn K4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông Võ Ngọc L11 đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T19 ông Đỗ Văn K4

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày ông Đỗ Văn K20 vào hợp đồng (ngày 15/7/2021) là ngày ký hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF giữa Công ty Cổ phần T4 (sau đây viết tắt là Công ty T4) (sau đây viết tắt là Công ty T48) đúng quy định pháp luật.

Công ty T3 đề nghị Tòa án hủy hợp đồng nêu trên với lý do Công ty T56 thanh toán theo đúng hợp đồng. Thấy:

Theo Điều 2.3 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF quy định thời hạn thanh toán như sau:

“Lần 1: Đặt cọc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trong vòng 02 ngày sau khi ký hợp đồng.

Lần 2: Thanh toán 1.750.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao tài sản nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Lần 3: Thanh toán số tiền còn lại trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A thông báo trả giải chấp xong sổ đất”.

[3] Ngày 16/7/2021, Công ty T10 chuyển khoản cho Công ty T59 đồng.

Công ty T60 rằng đã chuyển 1.500.000.000 đồng cho Công ty T61 thực hiện Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF, còn Công ty T62 cho rằng Công ty T63 toán 500.000.000 đồng cho Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF còn 1.000.000.000 đồng là thanh toán cho Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/TTF ngày 12/7/2021 (chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần T4 - P

Theo Điều 2.3 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF thì Công ty T57 thanh toán 500.000.000 đồng + 1.750.000.000 đồng = 2.250.000.000 đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 15/7/2021). Như vậy, ngay cả khi Công ty T60 rằng đã thanh toán 1.500.000.000 đồng cho Công ty T64 đến ngày 22/7/2021, Công ty T65 không thực hiện đúng Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF.

[4] Theo Điều 6 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF quy định về việc chấp dứt hợp đồng “*Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng do bên B vi phạm thời hạn thanh toán trong hợp đồng hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào*”.

Do Công ty T66 phạm thời hạn thanh toán, Công ty T12 quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và đã thể hiện ý chí chấm dứt hợp đồng bằng cách khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T67 chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2021/HĐMB/TTF ký ngày 15/7/2021 giữa Công ty Cổ phần T4*” là đúng quy định pháp luật.

[5] Theo Điều 2.3 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF quy định thời hạn thanh toán như sau: “*Lần 2: Thanh toán 1.750.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao tài sản nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng*”.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 15/7/2021), Công ty T56 thanh toán đủ số tiền 1.750.000.000 đồng nên lỗi để hợp đồng không thực hiện được là hoàn toàn do Công ty T4

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá lỗi của Công ty T68 không buộc Công ty T24 trả lại số tiền 500.000.000 đồng đã nhận từ Công ty T48 phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[6] Ngày 16/7/2021, Công ty T69 thanh toán cho Công ty T59 đồng (theo Công ty T70 khi đó giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng.

Tại khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF quy định “*Việc chuyển giao cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi bên B thanh toán đủ 100% giá trị chuyển nhượng của hợp đồng*”.

Như vậy do Công ty T30 thanh toán đủ 100% giá trị chuyển nhượng của hợp đồng (với số tiền 2.500.000.000 đồng) nên đến ngày 17/9/2021, Công ty T30 có quyền quyết định đối với 970.000 cổ phần tương đương 97% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T4 - M'Đrắk.

Do đó, Hợp đồng số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17/9/2021 giữa Công ty T4 ông Võ Ngọc L20 nội dung chuyển nhượng 970.000 cổ phần tương ứng 97% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T52 số tiền 2.850.000.000 đồng đã vô hiệu ngay từ khi ký hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp yêu cầu độc lập của ông Võ Ngọc L21 bỏ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2021/HĐMB/TTMD ngày 17/9/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần T4 ông Võ Ngọc L18 hiệu là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T4

[7] Do Hợp đồng số 02/2021/HĐMB/TTF giữa Công ty cổ phần T71 hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 6001286377 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp thay đổi lần thứ 4 trở đi cho Công ty T72 có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty cổ phần T19 cổ phần T1 và ông Đỗ Văn K21 xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T19 cổ phần T1 và ông Đỗ Văn K4.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần T19 ty Cổ phần T1 và ông Đỗ Văn K4 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T19 Cổ phần T1 và ông Đỗ Văn K4. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 18/7/2024 và ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 2 Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 396/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Dương Vinh Q**, sinh năm 1960; cư trú tại: **Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Tấn Đ1**, sinh năm 1984; cư trú tại: **Bình Đ, A, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện **P**, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hồ Ngọc C4**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **P**, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Hội đồng cưỡng chế **UBND huyện P**, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp: ông **Hồ Ngọc C4**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **P**, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **M, huyện P, tỉnh Bình Định**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hồ Văn V1**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **M, huyện P, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã **M, huyện P, tỉnh Bình Định**;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hồ Văn V1**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **M, huyện P, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

2. Bà **Hồ Thị Bích N1**, sinh năm 1965; cư trú tại: **thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**; có mặt.

- Người kháng cáo: người khởi kiện ông **Dương Vinh Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** cũng như người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Tấn Đ1** trình bày:

Vào năm 1992, ông và ông **Nguyễn Văn C5** có hộ khẩu thường trú tại **thôn V, xã M** tự khai hoang đất vùng đồi núi dốc, **thôn V, xã M**. Được biết chính sách của Nhà nước có chương trình trồng cây phủ xanh đồi núi trọc nên ông và ông **C5** tự mua cây phi lao, bạch đàn và sau đó là trồng cây keo lai (trồng kín khu đất 5 ha). Đến năm 1999, ông và ông **C5** làm đơn xin **Ban N2** và **UBND xã M**, thời điểm đó đã cho phép ông và ông **C5** làm trại nuôi dê và trồng cây nên ông và ông **C5** tự rào ranh giới khai hoang bằng trụ bê tông xen kẽ cây gỗ, kẽm gai và B40, làm chuồng trại, xây bể chứa nước bằng gạch xi măng. Rừng cây phi lao, bạch đàn, keo lai, thân cây hiện nay có đường kính khoảng 40-50cm, những cây nêu trên hiện nay vẫn còn hiện vật. Các đơn xin sử dụng đất mà Ban nhân dân thôn và **UBND xã M** lâu ngày ông đã để thất lạc. Nhưng ông đã xin xác nhận lại giấy tờ do nguyên Chủ tịch xã ông **Nguyễn Văn H5** ký xác nhận, **UBND xã** đã thừa nhận.

Năm 2003, ông **C5** đi biển để lại cho gia đình ông tiếp tục canh tác. Năm 2004, để thuận lợi cho việc làm ăn, chăn nuôi, ông dời chuồng, trại dê qua phía

khu vực bãi đăng của núi dốc nhưng vẫn trong ranh giới ông khai hoang và trồng cây của ông. Ông được biết chính sách của tỉnh và Nhà nước có chương trình phát triển kinh tế trang trại nên ông tự ban mặt bằng và làm chuồng nuôi thêm bò lai, heo tộc, nuôi gà, bò câu, ao cá... nói chung là vườn ao chuồng để phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2007, gió bão và nhiều năm hư hao nên ông tu bổ thêm làm ăn thì đến ngày 12/4/2007 UBND xã M có xuống lập biên bản và xử phạt hành chính. Ông đã trình bày hoàn cảnh nên UBND xã lúc đó bỏ qua không tổng đạt xử phạt hành chính, việc này ông đã trình bày trước Tòa án huyện Phù Mỹ, Tòa án đã thừa nhận hết thời hiệu xử phạt hành chính. Năm 2009, vì dịch bệnh gia súc buôn bán vận chuyển phải có giấy tờ của UBND xã xác nhận đã tiêm phòng đầy đủ mới vận chuyển được. Năm 2010, dự án Vlap ông và ông Nguyễn Văn C5 làm đơn xin cấp QSDĐ nhưng UBND xã lúc đó không chấp nhận. Năm 2011 đến năm 2014, gia đình ông vẫn làm ăn chăn nuôi bình thường. Năm 2015, gia đình ông kết hợp nuôi cá lồng bè ở khu vực nước sông B, thôn V, xã M. Năm 2016, lũ quét gây thiệt hại cá, Nhà nước đã hỗ trợ 90.000.000 đồng (Có bằng chứng trả lời kiến nghị của UBND huyện). Năm 2017, vì gió mưa bão lũ nhiều năm đã gây hư hỏng nên ông tu sửa chuồng trại và sửa chuồng bò lại làm nhà tạm nghỉ chân thì UBND xã lập biên bản xử phạt vào tháng 10/2017. Ông trình bày sự việc và được bỏ qua không xử phạt vi phạm hành chính. Vay đất ông không vi phạm pháp luật. Năm 2018 đến 2021 ông tiếp tục làm hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ và ông kiến nghị, khiếu nại, xin đo đạc, trích lục, rồi xin UBND xã cho thuê đất cũng không được giải quyết. Năm 2022, ông viết đơn khiếu nại UBND xã yêu cầu trả lời bằng văn bản thì UBND xã M trả lời bằng văn bản số 8. Nội dung văn bản có đoạn không đúng sự thật ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện hủy văn bản số 8, yêu cầu UBND xã xác nhận nguồn gốc đất và chuyển hồ sơ lên huyện xem xét cấp sổ. Tòa án huyện Phù Mỹ đã xử sơ thẩm chấp nhận hủy văn bản số 8 và bác việc xác nhận nguồn gốc nên ông kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã xác nhận nguồn gốc và chuyển hồ sơ lên huyện. Trong thời gian đó thì cầu Đê Gi xây dựng gần trại nuôi heo của ông. Ông sợ ô nhiễm nên ông làm đơn xin giấy phép kinh doanh tu sửa trại heo thành quán Ngọc H6, đóng thuế Nhà nước khoảng 700.000 đồng /tháng. Trong thời gian tu sửa và khánh thành làm ăn gần 1 năm, ông không thấy UBND xã ngăn cản hay xử phạt. Thửa đất ông đã có trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 2, có diện tích 51167,2m², Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B chi nhánh huyện P đo vẽ và có các giấy tờ liên quan đến xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ổn định có 8 cán bộ địa phương và 8 người dân lớn tuổi ở gần thửa đất xác nhận. Thửa đất ông có diện tích quy hoạch chức năng phòng hộ năm 2018 là không hợp tình, hợp lý, vì đất ông sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Ban quản lý rừng phòng hộ chưa trồng một cây nào trên thửa đất mà ông đang sử dụng và cũng không có thông báo nào cả. Nhưng đến ngày 13/9/2022 UBND xã đến thửa đất ông đang sử dụng lập biên bản xử phạt hành chính và cưỡng chế tháo dỡ 10 công trình mà ông đang sử dụng gần 20 năm qua đã hết thời hiệu xử phạt và cưỡng chế. Quyết định xử phạt hành chính và Quyết định cưỡng chế sai quy định của pháp luật vì vượt quá quy định của pháp luật. Vậy mà UBND huyện P thực thi Quyết định số 05/QĐ-CCXP do Chủ tịch UBND xã M ban hành ngày 26/9/2022 trái pháp luật đã đưa ra Thông báo số 05/TBHĐCC

ngày 07/9/2023 đến 07 giờ sáng 12/9/2023 không đúng thời gian quy định pháp luật, dùng cơ giới phá hủy nhiều giờ và ngoài diện tích cưỡng chế ... làm ảnh hưởng quyền lợi, tinh thần và tài sản của ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 13/9/2022 của Chủ tịch U, huyện P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; hủy Quyết định số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hủy Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Vinh Q; hủy Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 của Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P về việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Xác định hành vi hành chính của Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P đã thực hiện hành vi hành chính là tổ chức thi hành Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M, huyện P nhằm thu hồi toàn bộ đất, phá dỡ các công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất của ông Dương Vinh Q vào ngày 12/9/2023 là hành vi thực hiện hành chính trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Dương Vinh Q. Buộc UBND huyện P trả lại khu đất khoảng 5 ha thuộc một phần thửa đất số 64,67, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, tại thôn V, xã M đã bị Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P thu hồi ngày 12/9/2023 theo Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M để ông Dương Vinh Q tiếp tục sử dụng, canh tác theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện UBND huyện P, tỉnh Bình Định và Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P, tỉnh Bình Định, người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Ngọc C4 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Phần đất ông D Vinh Quang và ông Dương Hồ D1 chiếm sử dụng tại khu vực núi dốc thôn V, xã M, huyện P là thuộc một phần của thửa đất số 67 và thửa đất số 64, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, có nguồn gốc là đất chưa sử dụng do UBND xã M quản lý.

Năm 2018, toàn bộ diện tích ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 sử dụng thuộc quy hoạch lâm nghiệp chức năng phòng hộ theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng giai đoạn 2018 – 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định. UBND xã M xác nhận: Thửa đất nêu trên chưa giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo quy định.

Năm 2022, ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 đã tự ý chiếm đất xây dựng trái phép 10 công trình tại thửa đất nêu trên. UBND xã M kiểm tra hiện trường lập biên bản và yêu cầu ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 dừng

ngay việc xây dựng trái phép, nếu tiếp tục cố tình vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra, xử lý vụ việc: Ngày 09/9/2022, UBND xã M kiểm tra hiện trường lập biên bản xác định ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 đã chiếm đất xây dựng trái phép 10 công trình và yêu cầu ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 dừng ngay việc xây dựng. Ngày 12/9/2022, UBND xã M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC và số 03/BB-VPHC đối với ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đối với ông Dương Vinh Q, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 13/9/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng và buộc ông Q tháo dỡ công trình khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm trả lại đất đã lấn chiếm. Sau thời gian quy định, ông Dương Vinh Q không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt hành chính nêu trên đã có liệu lực thi hành, do vậy Chủ tịch UBND xã M tiếp tục ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Dương Vinh Q, phá dỡ toàn bộ công trình, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch UBND xã M có Văn bản số 55/TTr-UBND về việc đề nghị UBND huyện thành lập Hội đồng cưỡng chế cấp huyện để tổ chức cưỡng chế các công trình vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn xã M, Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND xã M, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 7815/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc thành lập Hội đồng cưỡng chế (được kiện toàn tại Quyết định số 4595/QĐ-UBND ngày 28/6/2023) và xây dựng kế hoạch số 171/KH-UBND-UBND ngày 11/11/2022 về việc tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại xã M, huyện P (được sửa đổi bổ sung tại Văn bản số 1265/UBND-TNMT ngày 12/7/2023). Ngày 07/9/2023 Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế huyện P ban hành Thông báo số 05/TB-HĐCC, qua đó yêu cầu ông Dương Vinh Q tự giác phá dỡ các công trình xây dựng trái phép, thu dọn toàn bộ tài sản cây cối, hoa màu, gia súc gia cầm và vật nuôi khác ra khỏi thửa đất bị cưỡng chế trước thời điểm cưỡng chế; Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế không chấp hành thì Hội đồng cưỡng chế không chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra khi tổ chức cưỡng chế. Ngày 12/9/2023, Hội đồng cưỡng chế huyện P tổ chức cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật.

Kết luận: Việc Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 10/QĐ-XPHC ngày 13/9/2022 và Quyết định số 05/QĐ-UBND –CCXP ngày 26/9/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Dương Vinh Q là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND xã M, UBND huyện P đã thành lập, kiện toàn Hội đồng cưỡng chế và xây dựng kế hoạch tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại xã M, huyện P; Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế huyện P, ban hành Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 và tổ chức cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật. Việc bao chiếm sử dụng đất của ông Dương Vinh Q là vi phạm pháp luật đất đai. Do vậy, ông Dương Vinh Q yêu cầu UBND huyện P trả lại đất khoảng 5 ha thuộc một phần đất thửa số 64-67, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, tại thôn V, xã M cho gia đình ông tiếp tục sử dụng canh tác là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định ông Hồ Văn V1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Phần đất ông D Vinh Quang và ông Dương Hồ D1 chiếm sử dụng tại khu vực núi dốc thôn V, xã M, huyện P là thuộc một phần của thửa đất số 67 và thửa đất số 64, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, có nguồn gốc là đất chưa sử dụng do UBND xã M quản lý.

Năm 2018, toàn bộ diện tích ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 sử dụng thuộc quy hoạch lâm nghiệp chức năng phòng hộ theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng giai đoạn 2018 – 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định. UBND xã M xác nhận: Thửa đất nêu trên chưa giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo quy định.

Năm 2022, ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 đã tự ý chiếm đất xây dựng trái phép 10 công trình tại thửa đất nêu trên. UBND xã M kiểm tra hiện trường lập biên bản và yêu cầu ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 dừng ngay việc xây dựng trái phép, nếu tiếp tục cố tình vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra, xử lý vụ việc: Ngày 09/9/2022, UBND xã M kiểm tra hiện trường lập biên bản xác định ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 đã chiếm đất xây dựng trái phép 10 công trình và yêu cầu ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 dừng ngay việc xây dựng. Ngày 12/9/2022, UBND xã M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC và số 03/BB-VPHC đối với ông Dương Vinh Q và ông Dương Hồ D1 về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đối với ông Dương Vinh Q, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 13/9/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng và buộc ông Q tháo dỡ công trình khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm trả lại đất đã lấn chiếm. Sau thời gian quy định, ông Dương Vinh Q không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt hành chính nêu trên đã có liệu lực thi hành, do vậy Chủ tịch UBND xã M tiếp tục ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 về

việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Dương Vinh Q**, phá dỡ toàn bộ công trình, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã chiếm.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch **UBND xã M** có Văn bản số 55/TTr-UBND về việc đề nghị UBND huyện thành lập Hội đồng cưỡng chế cấp huyện để tổ chức cưỡng chế các công trình vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn **xã M**, Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch **UBND xã M**, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 7815/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc thành lập Hội đồng cưỡng chế (được kiện toàn tại Quyết định số 4595/QĐ-UBND ngày 28/6/2023) và xây dựng kế hoạch số 171/KH-UBND-UBND ngày 11/11/2022 về việc tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại **xã M, huyện P** (được sửa đổi bổ sung tại Văn bản số 1265/UBND-TNMT ngày 12/7/2023). Ngày 07/9/2023 Chủ tịch **Hội đồng cưỡng chế huyện P** ban hành Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023, qua đó yêu cầu ông **Dương Vinh Q** tự giác phá dỡ các công trình xây dựng trái phép, thu dọn toàn bộ tài sản cây cối, hoa màu, gia súc gia cầm và vật nuôi khác ra khỏi thửa đất bị cưỡng chế trước thời điểm cưỡng chế; Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế không chấp hành thì Hội đồng cưỡng chế không chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra khi tổ chức cưỡng chế. Ngày 12/9/2023, Hội đồng cưỡng chế **huyện P** tổ chức cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật.

Kết luận: Việc Chủ tịch **UBND xã M** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 10/QĐ-XPHC ngày 13/9/2022 buộc cá nhân chiếm đất trả lại đất đã chiếm và Quyết định số 05/QĐ-UBND –CCXP ngày 26/9/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Dương Vinh Q**, phá dỡ toàn bộ công trình trả lại đất lấn chiếm là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định số 91/2019/ND-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc, bản đồ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Theo hồ sơ vi phạm trên, **UBND huyện P** đã thành lập, kiện toàn Hội đồng cưỡng chế và xây dựng kế hoạch tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại **xã M, huyện P**; Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế **huyện P** ban hành Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 và tổ chức cưỡng chế đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, **UBND xã M** đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông **Dương Vinh Q**, công nhận và giữ nguyên các quyết định và Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hồ Thị Bích N1** và người đại diện theo ủy quyền ông **Dương Hồ D1** trình bày:

Bà **N1** là vợ của ông **Dương Vinh Q**, bà thống nhất theo đơn khởi kiện và trình bày của ông **Dương Vinh Q**. Ngoài ra, bà **N1** không bổ sung thêm gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Vinh Q** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 10/QĐ-XPVP ngày 13/9/2022 của Chủ tịch **UBND xã M, huyện P** về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; hủy Quyết định số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch **UBND xã M** về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hủy Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Chủ tịch **UBND xã M** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Dương Vinh Q**; hủy Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 của Hội đồng cưỡng chế **UBND huyện P** về việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Xác định hành vi hành chính của Hội đồng cưỡng chế **UBND huyện P** đã thực hiện hành vi hành chính là tổ chức thi hành Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch **UBND xã M, huyện P** nhằm thu hồi toàn bộ đất, phá dỡ các công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất của ông vào ngày 12/9/2023 là hành vi thực hiện hành chính trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông **Dương Vinh Q**.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Vinh Q** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc **UBND huyện P** trả lại khu đất khoảng 5 ha thuộc một phần thửa đất số 64-67, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, tại **thôn V, xã M** đã bị Hội đồng cưỡng chế **UBND huyện P** thu hồi ngày 12/9/2023 theo Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/09/2022 của Chủ tịch **UBND xã M** để ông **Dương Vinh Q** tiếp tục sử dụng, canh tác theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/9/2024, người khởi kiện ông **D** Vinh Quang có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** do ông **Nguyễn Tấn Đ1** đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông **Nguyễn Tấn Đ1** cho rằng, Chủ tịch **UBND xã M** không có thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính xử phạt, cưỡng chế áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với ông **Q** và thời hiệu ban hành các quyết định đã hết nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Q**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** thì thấy: Ngày 09/9/2022, **UBND xã M** kiểm tra lập biên bản làm việc với ông **Dương Vinh Q** tại thửa đất số 64 và số 67 thuộc tờ bản đồ lâm nghiệp số 2. Qua kiểm tra xác định ông **Dương Vinh Q** đã tự ý chiếm đất xây dựng 10 công trình trái phép. Ngày 12/9/2022, công chức địa chính **xã M** biên bản làm việc đề nghị ông **Q** đình chỉ, không được tiếp tục xây dựng các công trình tại 02 thửa đất nêu trên. Đồng thời, **UBND xã M** biên bản hành chính về hành vi lấn chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn đối với ông **Dương Vinh Q**. Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính, ngày 13/9/2022 Chủ tịch **UBND xã M** ban hành Quyết định số 10/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông **Dương Vinh Q**, phạt tiền 2.500.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Do ông **Dương Vinh Q** không tự nguyện chấp hành nên ngày 26/9/2022, Chủ tịch **UBND xã M** ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Không đồng ý với việc xử lý trên, ông **Q** khiếu nại; Ngày 18/11/2022, Chủ tịch **UBND xã M** ban hành Quyết định số 243/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông **Dương Vinh Q** là không chấp nhận đơn khiếu nại của ông **Dương Vinh Q**. Ngày 07/9/2023, Hội đồng cưỡng chế **UBND huyện P** ban hành Thông báo số 05/TB-HĐCC về việc cưỡng chế các công trình xây dựng trái phép vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 12/9/2023, Hội đồng cưỡng chế **huyện P** tổ chức cưỡng chế. Như vậy, các quyết định, thông báo trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Vinh Q** là có cơ sở. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông **Dương Vinh Q** không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Dương Vinh Q** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông **Dương Vinh Q** là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Dương Vinh Q** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.1 Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Vinh Q** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 10/QĐ-XPVP ngày 13/9/2022 của Chủ tịch **UBND**

xã M, huyện P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; hủy Quyết định số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hủy Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Vinh Q; hủy Thông báo số 05/TB-HĐCC ngày 07/9/2023 của Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P về việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Xác định hành vi hành chính của Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P đã thực hiện hành vi hành chính là tổ chức thi hành Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M, huyện P nhằm thu hồi toàn bộ đất, phá dỡ các công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất của ông vào ngày 12/9/2023 là hành vi thực hiện hành chính trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Dương Vinh Q.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện P trả lại khu đất khoảng 5 ha thuộc một phần thửa đất số 64-67, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, tại thôn V, xã M đã bị Hội đồng cưỡng chế UBND huyện P thu hồi ngày 12/9/2023 theo Quyết định hành chính số 05/QĐ-CCXP ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND xã M để ông Dương Vinh Q tiếp tục sử dụng, canh tác theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Dương Vinh Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Vũ Thanh Liêm